TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2021/DS-ST
Ngày: 22/11/2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trương Hoàng Hoa**

2/ Ông **Châu Văn Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXX-ST ngày 01/6/2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 22/TB – TA ngày 20/10/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh T

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Thị Huỳnh N – sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ1, huyện C, tỉnh T

* Bị đơn: Anh Nguyễn Bảo P – sinh năm 1964;

Chị Lê Thị H – sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh T.

Chị N, anh P, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:*

Anh M là chủ đại lý thức ăn gia súc. Từ năm 2016 đến năm 2019, anh M có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng anh P chị H. Khi mua bán, anh M và phía vợ chồng anh P chị H có thỏa thuận ngay khi bán heo xong thì anh P chị H trả đủ tiền cho anh M. Tuy nhiên, sau khi bán heo xong thì anh P chị H không trả đủ tiền thức ăn cho anh.

Ngày 10/12/2019 anh M và vợ chồng chị H anh P chốt nợ là vợ chồng anh P còn nợ 101.222.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 15/2/2019 đến 15/12/2019 tương đương số tiền lãi là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía anh M chỉ mới nhận tiền lãi là 7.000.000 đồng, vợ chồng anh P còn nợ lại 3.000.000 đồng tiền lãi.

Ngày 15/01/2020, anh M và vợ chồng anh P chị Hồng chốt nợ thì anh P chị H còn nợ anh số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Thỏa thuận lãi suất là 1.66%/1 tháng. Nhưng từ khi chốt nợ (tháng 01 năm 2020) cho đến nay vợ chồng anh P không có đóng bất kỳ khoản lãi nào. Anh M đã nhiều lần yêu cầu anh P chị H trả nợ nhưng anh P chị H cứ hứa hẹn mà không trả.

Nay anh M khởi kiện yêu cầu anh P chị H trả cho anh số tiền vốn là 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/01 tháng tính từ ngày 15/01/2020 đến ngày Tòa án xét xử, tạm tính là 21.580.000 đồng, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 18 tháng 11 năm 2021, chị Như đại diện ủy quyền của nguyên đơn có sự thay đổi về mức lãi suất, mức lãi suất từ 1.66%/01 tháng xuống còn 0.83%/01 tháng tính từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/11/2021.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Bảo P và chị Lê Thị H trình bày:*

Anh M là chủ đại lý thức ăn gia súc. Từ năm 2016 đến năm 2019, chúng tôi có mua thức ăn ở đại lý anh M. Khi mua bán, anh M và chúng tôi có thỏa thuận khi bán heo xong thì chúng tôi trả tiền cho anh M. Tuy nhiên, mỗi đợt bán heo thì lỗ nên không có khả năng thanh toán. Trước đó cũng khoảng thời gian từ đầu năm 2019 đến cuối năm 2019 các bên có thỏa thuận lãi suất 01%/1 tháng, vợ chồng chúng tôi có đóng 7.000.000 đồng tiền lãi.

Đến ngày 15/01/2020, chúng tôi và anh M có chốt nợ thì chúng tôi còn nợ anh M số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Lúc này anh M tăng lãi suất lên là 1.66%/01 tháng, vợ chồng tôi chỉ mới đóng được 8.000.000 đồng tiền lãi và không có khả năng trả lãi nữa. Lần đưa tiền lãi này thì anh M ghi vào sổ của anh M chứ anh M không có làm biên nhận cho chúng tôi về việc anh M có nhận lãi của chúng tôi. Chúng tôi cũng không có tài liệu gì chứng minh cho việc trả lãi của mình.

Nay anh M khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả cho anh số tiền vốn là 100.000.000 đồng thì chúng tôi đồng ý, tuy nhiên chúng tôi không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của anh M vì chúng tôi đã trả lãi nhiều lần. Chúng tôi chỉ đồng ý trả vốn 100.000.000 đồng nhưng xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh M khởi kiện yêu cầu anh P chị H trả cho anh số tiền mà vợ chồng anh P chị H mua thức ăn còn thiếu, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Do anh P chị H có hộ khẩu thường trú tại: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh T nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T

Chị N, anh P, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh P, chị H

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền vốn: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng như đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày vào thời gian từ năm 2016 đến năm 2019, anh M có bán thức ăn chăn nuôi heo cho vợ chồng anh P chị H. Khi mua bán, anh M và vợ chồng anh P chị H có thỏa thuận ngay khi bán heo xong thì anh P chị H trả đủ tiền cho anh M. Tuy nhiên, sau khi bán heo xong thì anh P chị H không trả đủ tiền thức ăn cho anh. Ngày 15/01/2020, anh M anh P chị H chốt nợ thì vợ chồng anh P chị H còn nợ anh số tiền vốn là 100.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1.66%/01 tháng. Nhưng từ khi chốt nợ ngày 15/01/2020 cho đến nay vợ chồng anh P chị H không có đóng bất kỳ khoản lãi nào và cũng không trả được bất kỳ khoản tiền vốn nào. Còn anh P chị H thì thống nhất với lời trình bày của anh M, vợ chồng anh P chị H thừa nhận vào khoản thời gian từ năm 2016 đến năm 2019 có mua thức ăn để chăn nuôi heo ở đại lý anh M, qua quá trình mua thức ăn thì vợ chồng anh chị không thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho anh M, đến ngày 15/01/2020 thì vợ chồng anh cùng với anh M có chốt nợ là vợ chồng anh còn nợ anh M số tiền vốn là 100.000.000 đồng. Do đó, anh M yêu cầu vợ chồng anh P chị H trả số tiền vốn 100.000.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Ở lần chốt nợ ngày 10/12/2019 thì vợ chồng chị H anh P nợ số tiền vốn là 101.222.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 15/02/2019 đến 15/12/2019 tương đương số tiền lãi là 10.000.000 đồng, phía anh M chỉ mới nhận tiền lãi là 7.000.000 đồng. Vợ chồng anh P chị H cũng thống nhất từ ngày 12/02/2019 đến ngày 15/12/2019 thì vợ chồng anh chị có đóng 7.000.000 đồng tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận về tiền lãi từ ngày 15/02/2019 đến ngày 15/12/2019 của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật và các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Từ ngày 15/01/2020 thì anh M và vợ chồng anh P chị H chốt nợ là 100.000.000 đồng, lãi suất ở mức 1.66%/01 tháng, vợ chồng anh P cho rằng đã đóng được 8.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận nên lời trình bày vợ chồng anh P chị H không có căn cứ. Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, xét thấy anh M yêu cầu vợ chồng anh P chị H trả lãi suất 0.83%/01 tháng tính từ ngày 15/01/2020 đến ngày 15/11/2021 (là 22 tháng) tương đương số tiền: 100.000.000 đồng x 0.83% x 22 tháng = 18.260.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian trả tiền: Anh P chị H đưa ra lý lẽ cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét thấy, việc anh P chị H xin trả dần không được phía nguyên đơn đồng ý đồng thời ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn mà pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, anh M yêu cầu anh P chị H trả số tiền vốn là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 18.260.000 đồng là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của anh M được chấp nhận nên anh P chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho anh M

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 357, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn M

Buộc anh Nguyễn Bảo P và chị Lê Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn M số tiền cả vốn và lãi là 118.260.000 đồng (một trăm mười tám triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Bảo P và chị Lê Thị H phải chịu 5.913.000 đồng (năm triệu, chín trăm mười ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn M số tiền 3.039.500 đồng (ba triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0004826 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Bảo P và chị Lê Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C
- Chi cục THADS huyện C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA